Chỉ số giá xây dựng

vn.xay-dung-quy-hoach.dinh-muc-don-gia-chi-phi-xay-dung.chi-so-gia-xay-dung

Chỉ số phản ánh biến động giá xây dựng theo thời gian. Dữ liệu dưới đây gồm các chỉ số quý II năm 2026 được Sở Xây dựng Hải Phòng công bố, so với năm gốc 2025.

Version 1241/QĐ-SXD, ngày 05/07/2026 · Cập nhật 2026-10-08 · Chính sách cập nhật monthly

ĐIỂM NỔI BẬT

CHỈ SỐ GIÁ ĐÁ XÂY DỰNG

161.26

%

Quý II/2026; gốc 2025=100

CHỈ SỐ GIÁ VẬT TƯ ĐƯỜNG ỐNG...

140.23

%

Quý II/2026; gốc 2025=100

CHỈ SỐ GIÁ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG...

127.67

%

Quý II/2026; gốc 2025=100

DỮ LIỆU

Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình nhà ở Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng	110.89 %
Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình giáo dục Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng	109.06 %
Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình văn hóa Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng	112.11 %
Chỉ số giá xây dựng công trình - Trụ sở cơ quan Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng	112.19 %
Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình y tế Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng	109.79 %
Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình thể thao Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng	109.41 %
Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình năng lượng - Đường dây Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng	127.67 %
Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình năng lượng - Trạm biến áp Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng	104.63 %
Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình kho, nhà xưởng Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng	104.59 %

Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình cấp nước - Nhà máy nước — 107.88 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình cấp nước - Tuyến cống cấp nước — 120.48 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình thoát nước - Trạm xử lý nước thải — 105.4 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình thoát nước - Tuyến cống thoát nước mưa, nước thải — 121.38 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Công trình chiếu sáng công cộng — 125.09 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Đường bê tông xi măng — 122.12 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Đường nhựa asphan — 122.62 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Đường thấm nhập nhựa — 123.42 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Đường láng nhựa — 121.74 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Cầu bê tông cốt thép — 111.86 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Đập ngăn nước bê tông — 117.35 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Kênh bê tông xi măng — 114.5 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Kênh gạch xây — 110.22 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Tường chắn BTCT — 113.98 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Trạm bơm tưới tiêu — 111.52 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Đê đất gia cố bê tông xi măng — 124.89 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá xây dựng công trình - Kè bảo vệ đê — 127.064 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình nhà ở — 112.22 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình giáo dục — 109.78 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình văn hóa — 114.15 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Trụ sở cơ quan — 114.56 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình y tế — 113.01 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình thể thao — 110.51 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình năng lượng - Đường dây — 130.31 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình năng lượng - Trạm biến áp — 129.36 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình kho, nhà xưởng — 105.22 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình cấp nước - Nhà máy nước — 113.58 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình cấp nước - Tuyến cống cấp nước — 122.29 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình thoát nước - Trạm xử lý nước thải — 111.4 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình thoát nước - Tuyến cống thoát nước mưa, nước thải — 123.43 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Công trình chiếu sáng công cộng — 126.61 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Đường bê tông xi măng — 124.25 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Đường nhựa asphan — 126.43 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Đường thấm nhập nhựa — 126.3 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Đường láng nhựa — 123.99 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Cầu bê tông cốt thép — 113.66 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Đập ngăn nước bê tông — 119.57 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Kênh bê tông xi măng — 116.03 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Kênh gạch xây — 110.73 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Tường chắn BTCT — 114.82 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Trạm bơm tưới tiêu — 115.83 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Đê đất gia cố bê tông xi măng — 125.32 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá phần xây dựng - Kè bảo vệ đê — 127.445 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình nhà ở — 113.66 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình nhà ở — 108.25 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình nhà ở — 110.22 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình giáo dục — 111.49 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình giáo dục — 108.2 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình giáo dục — 105.57 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình văn hóa — 115.81 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình văn hóa — 107.92 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình văn hóa — 115.17 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Trụ sở cơ quan — 116.74 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Trụ sở cơ quan — 108.17 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Trụ sở cơ quan — 106.83 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình y tế — 115.05 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình y tế — 108.02 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình y tế — 108.31 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình thể thao — 111.96 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình thể thao — 108.18 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình thể thao 108.52 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình năng lượng - Đường dây 135.15 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình năng lượng - Đường dây 107.55 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình năng lượng - Đường dây 111.94 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình năng lượng - Trạm biến áp 134.16 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình năng lượng - Trạm biến áp 107.78 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình năng lượng - Trạm biến áp 116.32 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình kho, nhà xưởng 103.23 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình kho, nhà xưởng 108.19 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình kho, nhà xưởng 111.74 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình cấp nước - Nhà máy nước 116.63 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình cấp nước - Nhà máy nước 108.13 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình cấp nước - Nhà máy nước 115.21 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình cấp nước - Tuyến cống cấp nước 126.04 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình cấp nước - Tuyến cống cấp nước 108.12 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình cấp nước - Tuyến cống cấp nước — 116.25 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình thoát nước - Trạm xử lý nước thải — 112.29 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình thoát nước - Trạm xử lý nước thải — 108.13 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình thoát nước - Trạm xử lý nước thải — 115.34 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình thoát nước - Tuyến cống thoát nước mưa, nước thải — 128.89 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình thoát nước - Tuyến cống thoát nước mưa, nước thải — 108.05 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình thoát nước - Tuyến cống thoát nước mưa, nước thải — 113.3 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Công trình chiếu sáng công cộng — 129.84 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Công trình chiếu sáng công cộng — 106.89 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Công trình chiếu sáng công cộng — 113.84 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Đường bê tông xi măng — 127.17 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Đường bê tông xi măng — 108.05 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Đường bê tông xi măng — 116.23 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Đường nhựa asphan — 131.05 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Đường nhựa asphan 107.68 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Đường nhựa asphan 119.62 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Đường thấm nhập nhựa 133.41 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Đường thấm nhập nhựa 107.68 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Đường thấm nhập nhựa 118.88 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Đường láng nhựa 130.01 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Đường láng nhựa 107.93 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Đường láng nhựa 120.21 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Cầu bê tông cốt thép 115.88 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Cầu bê tông cốt thép 107.67 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Cầu bê tông cốt thép 115.26 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Đập ngăn nước bê tông 124.01 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Đập ngăn nước bê tông 108.25 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Đập ngăn nước bê tông 121.42 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Kênh bê tông xi măng 120.71 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Kênh bê tông xi măng 107.75 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Kênh bê tông xi măng 118.48 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Kênh gạch xây 112.51 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Kênh gạch xây 107.75 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Kênh gạch xây 120.89 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Tường chắn BTCT 115.65 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Tường chắn BTCT 107.79 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Tường chắn BTCT 118.96 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Trạm bơm tưới tiêu 119.62 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Trạm bơm tưới tiêu 107.94 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Trạm bơm tưới tiêu 114.68 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Đê đất gia cố bê tông xi măng 128.9 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Đê đất gia cố bê tông xi măng 107.79 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Đê đất gia cố bê tông xi măng 117.81 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình - Kè bảo vệ đê 135.53 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình - Kè bảo vệ đê — 108.05 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình - Kè bảo vệ đê — 120.096 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Xi măng — 103.23 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Cát xây dựng — 126.98 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Đá xây dựng — 161.26 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Gạch xây — 101.35 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Gạch lát — 104.11 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Gỗ xây dựng — 100 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Thép xây dựng — 106.17 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Nhựa đường — 137.79 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Vật liệu tấm lợp, bao che — 100 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Kính và khung nhôm — 100 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Sơn — 100 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Vật tư ngành điện — 138.06 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Vật tư đường ống cấp nước — 140.23 %
Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu - Trần, vách thạch cao 126.2 %

Kỳ dữ liệu: 2026-Q2 · Địa bàn: Thành phố Hải Phòng

NGUỒN & ĐỘ MỚI

Phiên bản: 1241/QĐ-SXD, ngày 05/07/2026
Cập nhật: 2026-10-08
Giấy phép: Văn bản quy phạm pháp luật công báo - Cổng TTĐT Chính phủ & Bộ Xây dựng

Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh — Công bố chỉ số giá xây dựng thời điểm tháng 4, 5, 6 và Quý 2 năm 2026 theo năm gốc 2025
https://www.quangninh.gov.vn/So/soxaydung/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=5472

Bộ Xây dựng & Bộ Tài chính — Nghị định 37/2015/NĐ-CP & Thông tư 02/2023/TT-BXD
https://xaydung.gov.vn

Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng — Công bố Tập chỉ số giá xây dựng quý II năm 2026 - Quyết định số 1241/QĐ-SXD
https://soxaydung.haiphong.gov.vn/thong-bao-chi-so-gia/cong-bo-tap-chi-so-gia-xay-dung-quy-ii-nam-2026-quyet-dinh-so-1241-qd-sxd-ngay-05-7-2026-929323

Thư Viện Nhà Đất (bản tài liệu đính kèm của Quyết định 1241/QĐ-SXD) — Tập chỉ số giá xây dựng Hải Phòng quý II năm 2026
https://cdn.haiphong.gov.vn/gov-hpg/6216/tintuc/2026/7/1.-qd-csg-qii.2026.m.signed639192058859069239.pdf

Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng — Công bố Tập chỉ số giá xây dựng quý II năm 2026 - Quyết định số 1241/QĐ-SXD ngày 05/7/2026
https://soxd.haiphong.gov.vn/thong-bao-chi-so-gia/cong-bo-tap-chi-so-gia-xay-dung-quy-ii-nam-2026-quyet-dinh-so-1241-qd-sxd-ngay-05-7-2026-929323

Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng — Tập chỉ số giá xây dựng thành phố Hải Phòng quý II năm 2026, báo cáo kết quả kèm Quyết định 1241/QĐ-SXD
https://cdn.haiphong.gov.vn/gov-hpg/6216/tintuc/2026/7/1.-bckq-qd-csg-q2.2026.signed639192058920944395.pdf

Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng — Thành phố Hải Phòng - danh mục công bố chỉ số giá xây dựng
https://kinhtexaydung.gov.vn/tinh-thanh/thanh-pho-hai-phong/

Thư viện Nhà Đất — Tập chỉ số giá xây dựng Hải Phòng quý II năm 2026
https://thuviennhadat.vn/phap-luat/tap-chi-so-gia-xay-dung-hai-phong-quy-ii-nam-2026-744936.html